TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 193/2025/DS-ST
Ngày: 12/8/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Đặng Thị Thanh Tâm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 3112/2024/TLST-DS ngày 31/12/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4396/2025/QĐXXST-DS ngày 14/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 5281/2025/QĐST-DS ngày 05/6/2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 533/2025/QĐ-XXST-DS ngày 17/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng SNP (Bank SNP C L)
Trụ sở: No.36, N E.Road, Sec X, Đ B104, Đ L, Trung Quốc.

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Friendship Tower, số 31 đường L D, phường BN, Quận M (nay là phường SG), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:
1. Ông Nguyễn Lâm V, sinh năm: 2000
2. Ông Lữ Thái H Q, sinh năm: 1993

Cùng địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Friendship Tower, số 31 đường L D, phường BN, Quận M (nay là phường SG), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan V L, sinh năm: 1975
Địa chỉ: số nhà 80/2/2 Đường X, Khu phố Y, phường LT, thành phố TĐc (nay là phường LX), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông V, ông Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2024 của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Lâm V:

Ngày 27/12/2023, căn cứ theo Đơn đăng ký khoản vay cá nhân ngày 14/12/2023 của ông Phan V L, Ngân hàng SNP (Bank SNP C L) (gọi tắt là Ngân hàng) ký Thỏa thuận cho vay cá nhân số VS802312140001 có nội dung Ngân hàng đồng ý cho ông Phan V L vay số tiền 300.000.000 đồng với mục đích vay mua hàng tiêu dùng, mức lãi suất cố định 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 27/12/2023 đến ngày 27/12/2027), phương thức thanh toán trả góp vào ngày 16 hàng tháng, thời gian thanh toán từ ngày 16/01/2024 đến ngày 16/12/2027, 47 tháng đầu mỗi tháng thanh toán 7.890.913 đồng, ngày 27/12/2027 hết thời hạn vay, ông Lộc thanh toán số tiền còn lại 8.017.916 đồng. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay vào tài khoản của ông Lộc. Sau khi nhận tiền, ông Lộc thực hiện việc thanh toán đúng thoả thuận được 07 kỳ (tháng), với tổng số tiền gốc, lãi đã thanh toán được là 64.000.335 đồng.

Từ ngày 16/8/2024 đến nay ông Lộc ngừng thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng thu hồi toàn bộ khoản vay trước hạn, yêu cầu ông Lộc phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 11/12/2024 là 270.990.493 đồng, trong đó tiền nợ gốc 257.199.421 đồng và nợ lãi 13.791.073 đồng (gồm: lãi trong hạn 11.941.405 đồng, lãi quá hạn 1.655.026 đồng, lãi phạt do chậm trả lãi 194.642 đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Phan V L, đồng thời triệu tập ông L đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vắng mặt.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông L phải thanh toán số tiền 306.237.633 đồng, trong đó dư nợ gốc 257.199.421 đồng và tiền lãi trong hạn 11.941.405 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2025 là 35.457.372 đồng, tiền lãi chậm trả (tính trên số lãi chậm trả) là 1.639.435 đồng. Bị đơn ông Phan V L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ

306.237.633 đồng (gồm tiền nợ gốc 257.199.421 đồng, tiền lãi trong hạn 11.941.405 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2025 là 35.457.372 đồng, tiền lãi chậm trả là 1.639.435 đồng) theo thỏa thuận tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Do bị đơn có nơi cư trú tại phường LT, thành phố TĐ (nay là phường LX), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025); điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Phía đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời khai của phía nguyên đơn phù hợp với Đơn đăng ký khoản vay cá nhân ngày 14/12/2023, Thỏa thuận cho vay cá nhân số VS802312140001 ngày 27/12/2023 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 14/12/2023 bị đơn có đề nghị được vay của nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi xem xét nguyện vọng, điều kiện của bị đơn, ngày 27/12/2023 nguyên đơn đã phê duyệt đồng ý cho bị đơn vay số tiền 300.000.000 đồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán số tiền vay. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của phía nguyên đơn, căn cứ chứng từ giải ngân là Lệnh chuyển tiền trong nước ngày 27/12/2023, Yêu cầu giải ngân kiêm thanh toán của khách hàng ngày 27/12/2023, Hợp đồng mua bán đồ cũ ngày 10/12/2023 của Ngân hàng SNP cùng bảng lịch sử thanh toán đến ngày 12/8/2025 do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn đã nhận số tiền vay 300.000.000 đồng sử dụng. Sau khi vay bị đơn đã thanh toán được 07 kỳ với tổng số tiền 64.000.335 đồng trong thời gian từ ngày 27/12/2023 đến ngày 27/6/2025. Trong tổng số tiền bị đơn thanh toán, nguyên đơn đã trừ vào tiền nợ gốc 42.800.579 đồng, tiền lãi 21.117.587 đồng,

lãi phạt chậm trả 82.169 đồng. Số tiền còn lại tạm tính đến ngày 13/11/2024 là 267.906.563 đồng (gồm tiền nợ gốc 257.199.421 đồng và nợ lãi 10.707.142 đồng) bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn và đã vi phạm thời hạn thanh toán. Vì vậy, ngày 13/11/2024 nguyên đơn đã ban hành Thông báo thu hồi nợ trước hạn và đến ngày 28/11/2024 nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ của bị đơn sang nợ quá hạn vào áp dụng lãi suất quá hạn.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trên nợ gốc quá hạn và tiền lãi chậm trả là phù hợp theo thỏa thuận của hai bên được quy định cụ thể tại Điều 3 Mục II Thỏa thuận cho vay cá nhân số VS802312140001 ngày 27/12/2023. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025); điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 40, 277, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng SNP (Bank SNP C L) về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Phan V L;

Ông Phan V L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng SNP (Bank SNP C L) số tiền nợ 306.237.633 (Ba trăm lẻ sáu triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi ba) đồng, gồm tiền nợ gốc 257.199.421 đồng, tiền lãi trong hạn

11.941.405 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2025 là 35.457.372 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 1.639.435 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Thỏa thuận cho vay cá nhân số VS802312140001 ngày 27/12/2023. Trường hợp tại Thỏa thuận cho vay cá nhân nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan V L phải chịu 15.311.882 (mười lăm triệu ba trăm mười một nghìn tám trăm tám mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng SNP (Bank SNP C L) được nhận lại 6.774.762 (sáu triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm sáu mươi hai) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0068359 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Do các đương sự vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2;
- THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh